

Bản án số: 507/2024/HS-PT

Ngày: 03/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Mai;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh N mở phiên tòa trực tuyến công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 327/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 tại thành phố T, tỉnh N; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Đặng Thị Đ1; có chồng Nguyễn Văn T1 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 46/QĐXPHC (PC45) ngày 26/6/2017 của Công an tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành nộp phạt xong ngày 02/8/2017; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh N; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Đình T2 – Công ty Luật TNHH N2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L quen biết với chị Lê Thị Thu H1 trú tại số nhà 07, ngõ 77 đường T3, phố P, phường P1, thành phố N, tỉnh N (có chồng là Vũ Văn T4, sinh năm 1956) gọi là H1. Cuối tháng 4/2022, nghe chị H1 kể đang vay Ngân hàng A số tiền 1,5 tỷ đồng nên L đã nói dối chị H1 là L có người bạn tên là Lê Thị H2, sinh năm 1989 làm kế toán trưởng trong Quân đoàn 1, Bộ Quốc phòng (gọi là H2 kế toán) đóng quân tại thành phố T, tỉnh N (chồng là Phạm Tuấn T5 nguyên Phó giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh H3, thành phố H đã chết 01 tháng trước để lại một khoản tiền tiết kiệm số tiền 35 tỷ đồng đang gửi tại Ngân hàng TMCP B, chi nhánh H3). Chị H2 làm kế toán đã làm thủ tục ủy quyền cho L rút toàn bộ số tiền trên, L đang nhờ ông Vũ Văn T6, Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh T và bà Đinh Thị B1, sinh năm 1962 là Chủ tịch Quỹ tín dụng T7 có địa chỉ tại phường N2, thành phố N làm thủ tục rút hộ nhưng cần số tiền 800.000.000 đồng để “bôi trơn”. L hứa với chị H1 rút được tiền thì sẽ cho chị H1 số tiền 1,5 tỷ đồng. Chị H1 tưởng thật nên đồng ý và làm theo chỉ dẫn của L, ngày 04/5/2022, chị H1 đã sử dụng tài khoản 1234517061969 của mình tại Ngân hàng M chuyển số tiền 130.000.000 đồng đến số tài khoản 0968** mở tại Ngân hàng M mang tên anh Bùi Cao T8, sinh năm 1987 là lái xe taxi M1 mà L thường thuê để đưa cho L (vì L nói L không sử dụng tài khoản ngân hàng). Chị H1 dẫn L đến giới thiệu với chị Đinh Thị Thu H4, sinh năm 1977 trú tại số nhà 10, ngõ 167, phố N3, phường T9, thành phố N, tỉnh N để vay số tiền 670.000.000 đồng, khi gặp chị H4, L cũng nói với chị H4 như nói với chị H1 do cần tiền làm thủ tục “bôi trơn”, hứa với chị H4 sau 15 ngày rút được tiền sẽ hoàn trả lại và cảm ơn sau. Chị H4 đồng ý nên ngày 05/5/2022, đã sử dụng tài khoản 1903** của mình mở tại Ngân hàng TMCP T10 chuyển số tiền 670.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng M của chị H1. Sau đó chị H1 chuyển số tiền này vào tài khoản của anh T8 cho L.

Ngày 08/5/2022, L và chị H1 đến nhà chị H4 vay số tiền 50.000.000 đồng làm thủ tục rút số tiền 35 tỷ đồng. L nói ông T6 đã nhận được tiền “bôi trơn” của L với chị H1 và chị H4, hứa đến ngày 18/5/2022 rút được tiền nên chị H4 đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho L vào tài khoản của chị H1, chị H1 chuyển đến tài khoản của anh T8 theo yêu cầu của L. Quá trình nói chuyện, L nói dối chị H4 trong Quân đoàn 1 đang thanh lý 06 chiếc điều hòa P 12.000 BTU mới với giá 4.000.000 đồng/01 chiếc, L sẽ mua tặng cho chị H4 01 chiếc vì chị H4 cho L vay tiền. Thấy rẻ nên chị H4 đã nhờ L mua luôn 06 chiếc điều hòa và chuyển số tiền 24.000.000 đồng vào tài khoản của anh Bùi Cao T8 cho L. Để tạo niềm tin mua được hàng thanh lý, ngày 08/5/2022 và ngày 09/5/2022, L đã chi tiền nhờ anh T8 mua 06

chiếc điều hòa P giao cho chị H4. Sau đó L nói với chị H4 là L và chị H2 kế toán đã ký được 34 hợp đồng mua hàng thanh lý của 34 đơn vị bộ đội của Quân đoàn 1, Bộ Quốc phòng trị giá 2,7 tỷ đồng. Mỗi hợp đồng, khi xuất, bán hàng thanh lý thì phải có các phiếu “bếp”, phiếu ra vào cổng tương ứng mang tên L thì mới xuất được hàng ra khỏi Quân đoàn 1. Trong đó, 20 bếp chính thanh lý các loại máy móc thiết bị như ô tô, máy xúc, xe máy, điều hòa, tủ lạnh, ti vi....; 14 bếp phụ thanh lý các mặt hàng thực phẩm là thịt dê, lợn, bò, gà, gạo... với giá như sau: Điều hòa D 12.000 BTU mới với giá 3.500.000 đồng/cái; điều hòa P 12.000 BTU mới với giá 4.000.000 đồng/cái; điều hòa M2 12.000 BTU mới với giá 3.000.000 đồng/cái; tủ lạnh L1 mới loại 635 lít giá 9.000.000 đồng/cái; gà hơi 60.000 đồng/kg; thịt lợn hơi 40.000 đồng/kg, thịt lợn thành phẩm 45.000 đồng/kg; thịt bò mông, vai 100.000 đồng/kg, thịt bò gầu, nạm 50.000 đồng/kg; thịt dê thành phẩm nguyên con (dê mót) 70.000 đồng đến 80.000 đồng/kg, thịt dê thành phẩm lấy lẻ 140.000 đồng/kg, dê hơi 60.000 đồng/kg; gạo tẻ giá 5.000 đồng/kg còn ô tô, máy xúc, xe máy... thì tùy từng loại. L nói với chị H4 việc mua bán hàng thanh lý là việc nhạy cảm, liên quan đến nhiều lãnh đạo nên đã yêu cầu chị H4 sử dụng nhiều tài khoản khác nhau chuyển tiền để không ai biết chị H4 là người mua hàng thanh lý. Từ ngày 08/5/2022 cùng với việc chuyển tiền cho L vay để làm thủ tục “bôi trơn” rút tiền tiết kiệm chị H4 đã dùng tài khoản Ngân hàng TMCP T10 của mình, của chồng là anh Nguyễn Ngọc T11, sinh năm 1971, số tài khoản 1903** mở tại Ngân hàng TMCP T10 và nhờ các bạn là: anh Nguyễn Tân N4, sinh năm 1971, số tài khoản 6868** mở tại Ngân hàng TMCP S, anh Ngô Thế N5, sinh năm 1986, số tài khoản 4831** mở tại Ngân hàng TMCP B, chị Trương Thị Thu H5, sinh năm 1989, số tài khoản 2210** mở tại Ngân hàng V; chị Nguyễn Thị Lương D1, sinh năm 1977, số tài khoản 2210** mở tại Ngân hàng V và chị H1 nhận tiền của chị H4 chuyển cho L thông qua số tài khoản ngân hàng của anh T8 và 07 cá nhân khác. L nói dối chị H4 đây là các kế toán trong Quân đoàn 1 nhưng thực tế:

- 03 cá nhân là lao động tự do gồm: chị Phạm Thị T12, sinh năm 1979, số tài khoản 1025** mở tại Ngân hàng V; anh Phạm Đức G, sinh năm 1978, số tài khoản 1008** mở tại Ngân hàng V1; chị Phạm Thị C, sinh năm 1982, số tài khoản 3307** mở tại Ngân hàng A.

- 04 cá nhân làm nghề buôn thịt bò, thịt lợn bị cáo L thường đặt mua hàng gồm: chị M3 Thị H6, sinh năm 1979, số tài khoản 9965** mở tại Ngân hàng V; chị Nguyễn Thị N6, sinh năm 1994, số tài khoản 2210** mở tại Ngân hàng V; chị Phạm Thị M3, số tài khoản 1506** mở tại Ngân hàng M; chị Vũ Thị Hồng H7, sinh năm 1986, số tài khoản 1012** mở tại Ngân hàng V.

L đặt mua thịt lợn, thịt bò, thịt gà... của chị N6, chị H7, chị M3, chị H1 (nêu trên) và nhiều người khác, nhờ anh T8 mua các loại điều hòa, tủ lạnh, thịt dê, gạo, gà hơi, bê hơi... để giao cho chị H4 nhưng số lượng hàng giao ít hơn rất nhiều so với số lượng mà chị H4 đã đặt. Khi chị H4 hỏi về số hàng hóa còn lại chưa nhận được thì L đưa ra nhiều lý do khác nhau như: Quân đoàn thanh lý “trộm”, các máy

móc thiết bị này là do tiền dự án trong quân đội cho các đơn vị bộ đội và các cán bộ, chiến sỹ có tiêu chuẩn nên không vội được; trời mưa nên không đưa xe ra được vì sẽ để lại vết bánh xe, hay có người can thiệp không cho xe ra, lúc đưa xe ra thì có kèng báo động... nên không giao được đủ số hàng còn lại cho chị H4. Đồng thời L liên tục đưa ra các thông tin có các đơn hàng thanh lý mới kèm với việc cần tiền “bôi trơn”, rút tiền tiết kiệm thường vào cuối ngày, sáng hôm sau thì giao hàng cho chị H4 để chị H4 không có thời gian xác minh, kiểm tra lại các thông tin mà L đưa ra, tiếp tục tin tưởng chuyển tiền cho mình. L sử dụng số điện thoại 0326** để giao dịch với chị H4 và chị H1 và dùng số điện thoại 0866** giả là H2 kế toán để liên hệ lừa chị H4 và chị H1 nói số tiền 35 tỷ đồng đã được chuyển về Ngân hàng TMCP B chi nhánh T nhưng lại có đơn nặc danh là bà Đinh Thị B1 nên ngân hàng phong tỏa không cho giải ngân số tiền 35 tỷ đồng vì bà B1 biết chị H2 kế toán và L đang có các hợp đồng mua hàng thanh lý của Quân đoàn 1 đang muốn ép L, chị H2 kế toán bán lại các hợp đồng này cho bà. Ngoài ra, L còn nói bà B1 ép L và chị H2 kế toán sau khi ngân hàng giải ngân số tiền 35 tỷ đồng thì phải rút gửi vào Quỹ tín dụng T7, phường N2, thành phố N, tỉnh N do bà B1 làm chủ tịch. Mặt khác, L còn nói chị H4 là cổ đông mua hàng lớn nhất chỗ L nhưng đang có những cổ đông khác cũng mua hàng do không đợi được việc ra hàng chậm nên họ đòi lại tiền và dọa nếu không trả sẽ bán lại cổ phần cho bà B1, lúc đó chị H4 sẽ không nhận được hàng đã đặt. Vì thế chị H4 đã chuyển tiền cho L để trả nợ các cổ đông, mua lại cổ phần để tiếp tục mua hàng thanh lý.

Tháng 6/2022, L giới thiệu và hứa bán cho chị H4 các thửa đất mà L nói của chị H2 kế toán và L đã mua của Quân đoàn 1 nhưng lại đang cho Quân đoàn 1 mượn lại để trưng bày mô hình xe tăng, máy bay đã qua chiến đấu ở phường T13, thành phố T, tỉnh N, đất của chị H2 kế toán ở phường N7 đối diện Bệnh viện 700 giường và đối diện Bệnh viện Sản Nhi N để lo thủ tục rút tiền tiết kiệm. L nói với chị H4 Ngân hàng xác minh chồng chị H2 kế toán cùng cán bộ Ngân hàng B H3 cho người khác vay giờ họ hoàn trả số tiền để lại khoảng hơn 64 tỷ đồng chứ không phải là 35 tỷ đồng và hứa sẽ trả hết tiền cho chị H4 khi rút được tiền để chị H4 tin tưởng tiếp tục chuyển tiền cho L. Cũng khoảng thời gian này, L nói với chị H4 là đã dọa kiện ông T6 về việc nhận tiền hối lộ, hợp tác với bà B1 không cho rút tiền mặc dù tiền đã về Ngân hàng TMCP B Chi nhánh T thì được ông T6 hứa sẽ cho L làm thủ tục thế chấp trước sổ tiết kiệm này để vay số tiền 10 tỷ đồng. L hứa nếu vay được tiền thì sẽ trả luôn cho chị H4 (lúc này chị H4 đã chuyển cho L hơn 13 tỷ đồng). Sau khi chị H4 chuyển thêm tiền cho L để làm thủ tục thế chấp thì L lại nói số tiền 10 tỷ đồng ông T6 hứa cho vay là tiền của bà B1 đưa cho ông T6 để đưa cho chị H2 kế toán và L. Nếu nhận số tiền này thì sẽ bị bà B1 khống chế, ép buộc bán hết các bếp, các hợp đồng mua bán hàng thanh lý mà L ký được với Quân đoàn 1 cho bà B1 nên không làm thủ tục vay thế chấp nữa.

Đến cuối tháng 6/2022, L nói với chị H4 bà B1 biết việc mua bán hàng thanh lý của Quân đoàn 1 giữa L và chị H4 nên ép L phải bán lại 20 “bếp chính” cho bà ấy còn 14 “bếp phụ” để lại cho vợ chồng chị H4, nếu không bà B1 sẽ tố cáo việc

Quân đoàn 1 cho chị H2 kế toán hợp tác với L thanh lý “trộm” hàng trong các dự án của Quân đoàn 1 bán ra ngoài.

Tháng 7/2022, L nói với chị H4 nhờ ông Nguyễn Minh K, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh N lo hộ rút số tiền 64 tỷ đồng về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh N không nhờ ông T6, bà B1 nữa. Ông K đã nhờ người xác minh thì tổng số tiền tiết kiệm mà chồng chị H2 kế toán để lại cả gốc lẫn lãi là 64 tỷ đồng đã được chuyển về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh N nhưng muốn rút thì phải đóng phí trước là 24.000 đồng/01 triệu đồng, tổng phí phải nộp để rút là hơn 1,5 tỷ đồng. Ông K đã nhờ người khác giúp chị H2 kế toán và L số tiền phí hơn 01 tỷ đồng. Số tiền 500.000.000 đồng còn lại, L yêu cầu chị H4 phải hỗ trợ nốt. L hứa sau khi rút được số tiền này sẽ trả cho chị H4 cả gốc lẫn lãi số tiền là 50 tỷ đồng. Sau khi chị H4 chuyển tiền đóng phí, L hẹn đến ngày 04/8/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh N sẽ chuyển tiền về Ngân hàng A tỉnh N để giải ngân vào nhiều tài khoản khác nhau trả tiền chị H4. Đến ngày 04/8/2022, không thấy ngân hàng giải ngân tiền về tài khoản, chị H4 hỏi lại thì L nói dối bà B1 đã biết việc Ông K giúp L giải ngân tiền và bà đã “Nganh ức” (tức phong tỏa) tài khoản lại, ép L phải làm hợp đồng bán tất cả 34 “bếp” và bán 173 lô đất ở tỉnh N (L nói đây là đất Quân đoàn 1 cấp cho cán bộ, chiến sỹ trong Quân đoàn nhưng chị H2 kế toán với L đã mua lại được) cho bà B1 với giá 250 tỷ đồng nếu không sẽ tố cáo L, tố cáo Ông K ăn hối lộ giúp L giải ngân tiền tiết kiệm nên L đã phải đồng ý. Khi đã bán tất cả các hợp đồng thanh lý, các bếp thì toàn bộ hàng mà chị H4 đã đặt từ trước đến nay sẽ sang tên hết theo hợp đồng cho bà B1 và từ ngày 02/8/2022, L không giao hàng cho chị H4 nữa. L với chị H2 kế toán sẽ trả cho chị H4 số tiền 100 tỷ đồng trong số tiền 250 tỷ đồng bán bếp (vì chị H4 là cổ đông mua hàng lớn nhất trong số 34 bếp này). Số tiền 250 tỷ đồng bà B1 đã chuyển vào tài khoản của chị H2 kế toán nhưng đang bị phong tỏa chưa cho chị H2 kế toán rút ra sử dụng. Bà B1 yêu cầu khi nào chị H2 kế toán và L làm xong hợp đồng sang tên xong 34 bếp, làm phiếu bếp, phiếu công và làm thủ tục sang tên 173 lô đất cho bà B1 thì mới cho chị H2 kế toán và L rút, sử dụng số tiền này. L còn gửi ảnh chụp Hợp đồng mua bán với nhà B1 mà L tự soạn nhờ người in, đánh máy rồi tự ký tên mình và vợ chồng bà B1, Ông B2 cho chị H4 xem để làm tin.

Tháng 8/2022, chị H4 chuyển tiền cho L làm các thủ tục hợp đồng thanh lý, lệ phí chuyển nhượng đất thì L lại nói dối bà B1 biết việc chị H2 kế toán còn 103 lô đất nữa ở trong T14 và phải sang tên nốt cho bà ấy thì mới đồng ý cho rút 250 tỷ đồng. Chị H4 không đồng ý, yêu cầu L và H2 phải trả tiền thì L nói sẽ làm đơn kiện bà B1 và ông T6 lên Tòa án nhân dân tối cao vì nhận tiền “bôi trơn”, hối lộ của chị H2 kế toán, không cho giải ngân, ép chị H2 kế toán và L bán các hợp đồng thanh lý, các bếp, ép làm thủ tục sang tên 173 lô đất... thì mới cho giải ngân và sử dụng số tiền bán bếp. Chị H4 hỏi sao không kiện ở N thì L nói bà B1 đã lo lót hết ở N rồi, kiện ở N không hiệu quả phải lên Tòa án nhân dân tối cao kiện. Từ ngày 02/9/2022 đến ngày 14/9/2022, ngoài việc đưa ra thông tin cần tiền làm thủ tục nộp đơn kiện lên Tòa án nhân dân tối cao, thuê luật sư, tiếp người của Tòa án nhân dân

tối cao để chị H4 chuyển tiền thì L còn lấy nhiều lý do cá nhân khác để chiếm đoạt tiền của chị H4.

Đồng thời L nói với chị H4, Ông K can thiệp giải ngân được 64,7 tỷ đồng nhưng để tránh bà B1 biết và phong tỏa, không cho giải ngân thì phải mua một máy giải tỏa tài khoản trị giá khoảng 1,2 tỷ đồng. Ông K hỗ trợ L số tiền 600.000.000 đồng, L hứa mua được máy “Nganh ực” ngày 22/9/2022, Ngân hàng giải ngân trả toàn bộ tiền cho chị H4 nên ngày 16/9/2022, chị H4 chuyển số tiền 620.000.000 đồng cho L. Đến ngày 22/9/2022 không thấy Ngân hàng giải ngân, không thấy L trả tiền như đã hẹn chị H4 đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh N.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Quân đoàn 1, Ngân hàng B Chi nhánh H3, xác minh các lô đất mà L hứa bán cho chị H4, kết quả như sau:

- Đối với Quân đoàn 1: Từ trước đến nay Quân đoàn 1 không có chức danh Kế toán trưởng, không có ai là Lê Thị H2 làm nhân viên kế toán. Từ tháng 5/2022 đến tháng 11/2022, Quân đoàn 1 không có hoạt động mua bán hàng hóa thanh lý với bất cứ tổ chức hay cá nhân nào. Ngoài ra Quân đoàn 1 không có chính sách chia đất, cấp đất, bán đất cho cán bộ, chiến sỹ, công nhân đang công tác tại các đơn vị của Quân đoàn 1 đóng quân trên địa bàn tỉnh N, T14 hay bất kỳ đơn vị nào khác thuộc Quân đoàn 1.

- Đối với Ngân hàng B chi nhánh H3: Từ trước đến nay Ngân hàng không có cán bộ, công nhân viên nào tên là Phạm Tuấn T5, sinh năm 1984 làm việc tại Ngân hàng.

- Đối với các lô đất mà L và H2 kế toán (do L đóng giả) hứa bán cho chị H4: các lô đất Quân đoàn 1 sử dụng để trưng bày các mô hình xe tăng, máy bay đã qua chiến đấu mà L và H2 kế toán hứa bán cho chị H4 là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 27, diện tích 10.308,2m² địa chỉ tại đường L2, tổ 1, phường T13, thành phố T, tỉnh N. Thửa đất này Quân đoàn 1 được Nhà nước giao và hiện vẫn đang sử dụng. Quân đoàn 1 không chia, cấp hay bán thửa đất này cho cán bộ, công nhân của Quân đoàn 1 hay bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Đối với 02 lô đất tại xã N8, huyện H8 và 06 lô đất tại phường N7, thành phố N, tỉnh N mà L hứa bán cho chị H4 lấy tiền “bôi trơn”, làm thủ tục rút tiền tiết kiệm thì chủ sở hữu là các cá nhân khác, không phải mang tên Lê Thị H2 kế toán hay Nguyễn Thị L (nêu trên).

Từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2022, chị H4 đòi tiền trả nợ cho các cá nhân mà chị H4 đã vay để chuyển tiền cho L trong đó trả nợ anh Ngô Thế N5 gần 700.000.000 đồng thì L đã nhiều lần chuyển thịt dê, thịt bò, thịt lợn hơi cho Anh N5 để trả nợ cho chị H4. Anh N5 đã bán ra thị trường được 170.000.000 đồng và trừ vào số tiền mà chị H4 đang nợ Anh N5.

Từ ngày 05/5/2022 đến ngày 16/9/2022, chị H4 đã nhiều lần chuyển số tiền 21.076.490.000 đồng và nhờ chồng là anh Nguyễn Ngọc T11 chuyển số tiền 40.000.000 đồng, nhờ Anh N4 chuyển hộ số tiền 1.190.000.000 đồng; Anh N5

chuyển hộ số tiền 295.000.000 đồng; chị H5 chuyển hộ số tiền 450.000.000 đồng; chị D1 chuyển hộ số tiền 30.000.000 đồng; chị H1 chuyển hộ số tiền 317.000.000 đồng (**tổng cộng là 23.398.490.000 đồng**) cho L, trong đó: số tiền L và H2 kế toán (do L đóng giả) vừa vay, vừa hứa bán 14 lô đất các loại cho chị H4 để lấy tiền làm thủ tục bồi trơn, rút tiết kiệm là **6.975.000.000 đồng**; số tiền chị H4 chuyển để đặt mua hàng thanh lý trong Quân đoàn 1 là 8.572.490.000 đồng với lý do làm thủ tục mua hàng thanh lý (tách bếp, tách công, tách hợp đồng...) và các lý do khác liên quan đến việc mua hàng thanh lý (bồi dưỡng kế toán, thuê xe chở hàng, trả tiền cổ đông, vay ứng ký hợp đồng thanh lý mới, các lý do gian dối cá nhân...) là **7.851.000.000 đồng**.

Chị H4 đã đặt L số hàng thanh lý gồm: điều hòa 454 cái các loại, ô tô 08 cái các loại, máy xúc 02 cái, xe máy 05 cái, tủ lạnh 81 cái; thịt dê các loại 34.400 kg; thịt bò các loại 500 kg; thịt gà 5.550 kg; thịt lợn 15.500 kg (lợn hơi, lợn thành phẩm các loại); gạo 30.000 kg. Sau đó chị H4 đã chuyển số tiền trên đến 09 số tài khoản của 09 cá nhân khác nhau để chuyển cho L, bao gồm: tài khoản 0968** mang tên Bùi Cao T8, mở tại Ngân hàng M số tiền 6.076.980.000 đồng; tài khoản 1234** mang tên Lê Thị Thu H1, mở tại Ngân hàng M số tiền 780.000.000 đồng; tài khoản 1008** mang tên Phạm Đức G, mở tại Ngân hàng V1 số tiền 8.624.000.000 đồng; tài khoản 3307** mang tên Phạm Thị C mở tại Ngân hàng A số tiền 270.000.000 đồng; tài khoản 1025** mang tên Phạm Thị T12 mở tại Ngân hàng V số tiền 5.446.000.000 đồng; tài khoản 9965** mang tên Mai Thị H6 mở tại Ngân hàng V số tiền 20.000.000 đồng; tài khoản 221000027346 mang tên Nguyễn Thị N6 mở tại Ngân hàng V số tiền 2.100.510.000 đồng; tài khoản 1506** mang tên Phạm Thị M3 mở tại Ngân hàng M số tiền 71.000.000 đồng; tài khoản 1012** mang tên Vũ Thị Hồng H7 mở tại Ngân hàng V số tiền 10.000.000 đồng.

Sau khi các cá nhân trên nhận được tiền thì L đã yêu cầu chuyển qua lại nhiều tài khoản khác nhau như để trả nợ, rút tiền mặt đưa cho L, trả tiền đặt mua các mặt hàng thịt bò, thịt lợn, thịt gà, bê hơi... của chị H1, chị N6, chị M3, chị H7 (nêu trên) và nhiều cá nhân khác; chuyển tiền vào tài khoản của anh T8 để nhờ đặt mua các loại hàng điều hòa, tủ lạnh, gạo, thịt dê..., rút tiền mặt đưa cho L (*tổng số tiền chuyển cho 12 cá nhân để mua hàng và trả nợ, rút tiền mặt đưa cho L là 22.372.890.000 đồng*).

Chị M3 Thị H6 nhận số tiền 1.510.150.000 đồng để mua thịt bò; chị Phạm Thị M3 số tiền 2.091.080.000 đồng để mua thịt lợn; chị Phạm Thị N9 số tiền 665.500.000 đồng để mua thịt lợn và nhờ chị N9 mua thịt gà hơi cho L; chị Vũ Thị Hồng H7 1.880.550.000 đồng để mua thịt bò của chị H7 và để chị H7 rút tiền mặt đưa cho L; chị Nguyễn Thị N6 số tiền 6.444.010.000 đồng để mua thịt lợn của chị N6 và để chị N6 rút tiền mặt đưa cho L; anh Nguyễn Quang T15 số tiền 1.906.150.000 đồng để mua máy điều hòa, tủ lạnh các loại; anh Vũ Đức C1 số tiền 1.658.765.000 đồng để mua thịt dê; chị Vũ Thị H9 số tiền 799.585.000 đồng để mua gạo; anh Bùi Trọng N10, số tiền 550.000.000 đồng để mua bê hơi, bò hơi; bà

Nguyễn Thị N11 qua số tài khoản của anh Nguyễn Văn M4 (con trai bà N11) số tiền 850.100.000 đồng để mua thịt lợn; anh Tống Trường A số tiền 3.313.400.000 đồng để trả nợ; bà Trần Thị T16 số tiền 410.000.000 đồng để trả nợ.

Ngoài ra L còn nhiều lần yêu cầu anh T8, chị T14 rút tiền mặt đưa cho L chuyển đến nhiều tài khoản khác nữa để trả nợ cho L, trả tiền cước xe cho anh T8 với số tiền khoảng 1.025.600.000 đồng.

Từ ngày 08/5/2022 đến ngày 02/8/2022, L đã nhiều lần giao hàng cho chị H4 gồm: Điều hòa 12.000 BTU của P là 68 cái; điều hòa D là 20 cái; điều hòa M2 là 05 cái; tủ lạnh L1 là 01 cái; thịt bò nạm gầu 28,96 kg; thịt bò mông 37 kg; bê hơi 01 con nặng 220 kg; gà hơi (gà ta) 1.260,3 kg; thịt dê hơi 265 kg; thịt dê mót 676 kg; thịt dê 160 kg; lợn hơi 388 kg; thịt lợn mót 3.087,9 kg; thịt lợn 308,78 kg; gạo 6.000 kg.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã yêu cầu định giá tài sản giá trị số lượng hàng hóa mà chị H4 đã nhận nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 24/2023/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh N kết luận: “Số hàng hóa mà bị can L đã giao cho chị H4 nêu trên trị giá: 1.943.424.800 đồng”.

Như vậy từ ngày 04/5/2022 đến ngày 16/9/2022, chị H4 đã chuyển cho L tổng số tiền **23.398.490.000 đồng**. L đã đặt mua hàng của nhiều cá nhân và giao cho chị H4 số lượng hàng trị giá 1.943.424.800 đồng, giao cho Anh N5 trả nợ cho chị H4 số hàng hóa trị giá 170.000.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của chị H4 là **21.285.065.200 đồng**.

Tổng số tiền mà L đã chiếm đoạt của chị Đinh Thị Thu H4 và chị Lê Thị Thu H1 là **21.415.065.200 đồng** (trong đó của chị H4 là **21.285.065.200 đồng**, của chị H1 là **130.000.000 đồng**). Đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt này L khai đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã tuyên bố:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L tù Chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2022; phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2024, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi kháng cáo kêu oan cho rằng không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nay thay đổi kháng cáo kêu oan đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị L và quyết định hình phạt tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp, không oan. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi kháng cáo kêu oan, trình bày không có hành vi gian dối với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H4 nên không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả điều tra thấy phù hợp với trình bày của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Đinh Thị Thu H4 và Lê Thị Thu H1, với mục đích chiếm đoạt tài sản của những người này, Nguyễn Thị L nói dối chị H4 và chị H1 về việc bản thân có quen biết với một người không có thật là Lê Thị H2 - kế toán trưởng Quân Đoàn 1. L có hợp đồng mua một số mặt hàng thanh lý của Quân đoàn 1, đồng thời được chị Lê Thị H2 ủy quyền cho L rút số tiền tiết kiệm 64,7 tỷ đồng trong ngân hàng, chị H4 và chị H1 muốn mua được hàng giá rẻ và rút được tiền ngân hàng phải đưa cho L khoản tiền để chi phí “bôi trơn” khi rút

được tiền L sẽ cho mỗi chị một số tiền lớn. Tin lời L ngày 04/5/2022 chị H1 đã chuyển cho L 130.000.000 đồng, từ ngày 05/5/2022 chị H4 đã nhiều lần chuyển cho L tổng số tiền 23.398.490.000 đồng. Để tạo lòng tin và che giấu thủ đoạn phạm tội với các bị hại, Nguyễn Thị L đã đặt mua số hàng trị giá 1.943.424.800 đồng (theo kết luận định giá) gồm thịt lợn, thịt bò, thịt gà, mua các loại điều hòa, tủ lạnh, thịt dê, gạo, bê hơi... để giao cho chị H4 nhưng số lượng hàng giao ít hơn rất nhiều so với số lượng mà chị H4 đã đặt và đưa ra nhiều lý do khác nhau để không giao được đủ số hàng còn lại cho chị H4. Đồng thời L liên tục đưa ra các thông tin có các đơn hàng thanh lý mới kèm với việc cần tiền “bôi trơn”, rút tiền tiết kiệm thường vào cuối ngày, sáng hôm sau thì giao hàng cho chị H4 để chị H4 không có thời gian xác minh, kiểm tra lại các thông tin mà L đưa ra, tiếp tục tin tưởng chuyển tiền cho mình. Số tiền còn lại 21.415.065.200 đồng L chiếm đoạt, chi tiêu cá nhân. Trong đó chiếm đoạt của chị H4 là 21.285.065.200 đồng, chiếm đoạt của chị H1 là 130.000.000 đồng.

Bởi hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định, không oan.

[3]. Về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ với số tiền đặc biệt lớn, gây bức xúc cho người bị hại và làm mất trật tự an toàn xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt 130.000.000 đồng của chị H1 và chiếm đoạt của chị H4 21.285.065.200 đồng là thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới và không khắc phục thiệt hại cho những người bị hại, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là phù hợp. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L.

[4]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh N như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị L tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2022.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà